

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HC-PT

Ngày 20 - 02 - 2020

V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai trong trường
hợp thu hồi và hủy bỏ giấy chứng
nhận.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Bà Trần Thị Huyền Vân
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Phan Đức Phương Ông Vũ Ngọc Huynh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 437/2019/TLPT-HC ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 480/2019/HC-ST ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3152/2019/QĐPT-HC ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1 Ông Trần Văn B, sinh năm 1954; (có mặt)

1.2 Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1959 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 27/30 Đ, Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 86 L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Phạm Gia H, sinh năm 1959 – Phó Trưởng phòng pháp chế Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt)

- Bà Lê Thị Diễm Th, sinh năm 1976 - Phó Trưởng phòng pháp chế Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 63 L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 86 L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân quận T (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 387A T, Phường 14, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn T, sinh năm 1974 - Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận T.

2. Ủy ban nhân dân Phường 13, quận T

Địa chỉ: Số 332 Tr, Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đình Ng, sinh năm 1981 - Chức vụ: Công chức Địa chính của Ủy ban nhân dân Phường 3, quận T. (vắng mặt)

3. Bà Trần Thị Hồng S, sinh năm 1988 (vắng mặt)

4. Ông Trần Tiến S, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 27/30 Đ, Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 09/4/2002, hồ sơ gốc số 9613/2002 (gọi Giấy 9613), ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị M được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (gọi Ủy ban Thành phố) công nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở như sau:

a/ Nhà ở địa chỉ 72/13A (số mới 72/13C) Nh, Phường 13 quận T; tổng diện tích sử dụng 128m², diện tích xây dựng 62m², kết cấu nhà tường gạch, sàn BTCT, mái tôn, 02 tầng.

b/ Đất ở: Thửa đất số 1147 tờ bản đồ số 1 (sơ đồ nền), diện tích 74,9m², sử dụng riêng 74,9m².

Đối với phần nhà, đất không phù hợp quy hoạch nằm trong quy hoạch lộ giới 2,2m x 4,05m, không được công nhận.

Ngày 15/10/2013, Ủy ban thành phố ban hành Quyết định số 5623/QĐ-UBND (Quyết định 5623) về thu hồi và hủy bỏ Giấy 9613. Không đồng ý với Quyết định 5623, ông B và bà M khiếu nại với Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Chủ tịch Ủy ban Thành phố). Ngày 21/4/2015 Chủ tịch Ủy

ban Thành phố ban hành Quyết định số 1876/QĐ-UBND (Quyết định 1876) có nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông B và bà M.

Theo Đơn khởi kiện ngày 03/7/2015, các đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 28/03/2017; ngày 31/10/2017 và ngày 28/12/2017, Biên bản làm việc ngày 21/03/2018 và Biên bản đối thoại ngày 13/6/2018 người khởi kiện ông Trần Văn B, bà Nguyễn Thị M trình bày và xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

Nhà và đất tại địa chỉ 72/13C Nh theo Giấy 9613 là do ông bà nhận chuyển nhượng hợp pháp từ ông Nguyễn Cảnh Tr vào năm 1992, sau khi nhận chuyển nhượng ông bà xây dựng và sử dụng ổn định, có đăng ký kê khai nhà ở vào năm 1999, không có tranh chấp. Năm 2002, ông bà lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận theo Quyết định 38/2000/QĐ-UB-ĐT ngày 19/6/2000 của Ủy ban Thành phố, Đơn xin cấp giấy chứng nhận có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 13, quận T và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước nên được Ủy ban thành phố cấp Giấy 9613.

Căn cứ Khoản 3 Điều 42 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP thì việc thu hồi Giấy chứng nhận chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án đã được thi hành. Ông bà đang thực hiện việc khởi kiện các quyết định hành chính về thu hồi đất; về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện Dự án Trường tiểu học Thân Nhân Trung của Ủy ban quận T tại Tòa án nhân dân quận T theo hồ sơ thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm số 03/2012/TLST-HC ngày 09/10/2012, đến nay Tòa án nhân dân quận T chưa đưa vụ án ra xét xử. Giấy 9613 do Ủy ban thành phố cấp cho ông bà, Ủy ban thành phố lại ban hành Quyết định 5623 giao cho Ủy ban Tân Bình thực hiện thu hồi, hủy bỏ và hướng dẫn ông bà làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận, ông bà không đồng ý vì giữa ông bà và Ủy ban quận T có tranh chấp liên quan đến thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ khi thu hồi 11,76 m² đất tại nhà 72/13C.

Nhà 72/13C ông bà đang cho thuê để có thu nhập, do Chủ tịch Ủy ban Thành phố ban hành Quyết định 5623 và Quyết định 1876, người đang thuê đã từ chối không ký tiếp hợp đồng thuê nữa, dẫn đến việc gia đình bị mất thu nhập gây thiệt hại cho ông bà.

Từ lý do này, ông bà yêu cầu:

- Hủy Quyết định 5623 và Quyết định 1817;

- Buộc Chủ tịch Ủy ban Thành phố bồi thường thiệt hại do bị mất thu nhập trong việc cho thuê nhà, cụ thể: 10.000.000đồng/tháng tính từ ngày 27/5/2011 đến ngày vụ án được đưa ra xét xử, tạm tính đến tháng 03/2018 là 840.000.000đồng.

Tại Văn bản số 7482/UBND-PCNC ngày 04/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản tự khai của đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tiến D và Phạm Sinh Th có ý kiến như sau:

Ngày 20/12/2001, Ủy ban T có Tờ trình số 5867/TT-UB-ĐT đối với hồ sơ xin cấp giấy của ông B bà M, trong Tờ trình có nội dung xác định: Nhà được xây dựng trên đất do Nhà nước trực tiếp quản lý, ông B bà M có cam kết nếu

Nhà nước có chủ trương thu hồi làm công Tr xã hội thì chấp hành không khiếu nại. Ủy ban phường 13 quận T (Ủy ban phường 13) xác nhận trên đơn xin cấp giấy của ông B bà M với nội dung: Đất ao thuộc Quân y viện 7A quản lý, chưa bàn giao cho địa phương, ông H tự lấn chiếm san lấp cất nhà năm 1991, bán lại cho bà M năm 1992, giấy tay. Nhà thể hiện tại bản vẽ hiện trạng số 10107/HHĐV của Công ty TNHH Khảo sát Thiết kế ADEC. Vị trí khu đất được thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí số 105/ĐĐBĐ ngày 01/10/2001 của Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ kinh doanh nhà Sài Gòn lập, khu đất thuộc một phần thửa 220⁻¹⁶⁵, tờ bản đồ số 9 Tân Sơn Nhì (TL cũ).

Ngày 31/10/2005, Ủy ban Thành phố ban hành Quyết định 5564/QĐ-UBND về việc giao đất khu ao 1A, Phường 13 quận T cho Ủy ban quận T để thực hiện công tác di dời giải tỏa và tái bố trí, chuẩn bị xây dựng trường tiểu học Thân Nhân Trung. Ngày 12/9/2006, Ủy ban quận T ban hành Quyết định số 122/QĐ-UBND về phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Khu trường tiểu học Thân Nhân Trung.

Ủy ban quận T và Sở Xây dựng có công văn kiến nghị Ủy ban thành phố thu hồi, hủy bỏ Giấy 9613 của ông B, bà M đối với nhà 72/13C, cụ thể Công văn số 285/UBND-PC ngày 25/4/2013 của Ủy ban quận T. Ngày 27/6/2013, Ủy ban Thành phố ban hành Công văn số 3200/UBND-ĐTMT chấp thuận giải quyết theo báo cáo, kiến nghị của Ủy ban quận T; giao Thanh tra Thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện rà soát việc cấp Giấy 9613 để có kết luận, đề xuất trình Ủy ban Thành phố. Ngày 12/9/2013, Thanh tra Thành phố ban hành Công văn số 1024/TTTP-P1 kết luận Nhà 72/13C được xây dựng trên phần đất lấn chiếm, tại thời điểm cấp giấy chưa được Quân khu 7 bàn giao cho địa phương quản lý. Theo Khoản 1.3 Điều 7 Quyết định số 38/QĐ-UB-ĐT ngày 19/6/2000 Ủy ban Thành phố quy định không cấp giấy đối với trường hợp chiếm dụng đất hoặc lấn chiếm đất do Nhà nước quản lý, sử dụng. Từ cơ sở này Thanh tra Thành phố đã kiến nghị Ủy ban Thành phố thu hồi, hủy Giấy chứng nhận đối với Nhà 72/13C ngày 15/10/2013 Ủy ban Thành phố ban hành Quyết định 5623.

Ngày 27/01/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức đối thoại với ông B, bà M và kết quả đối thoại như sau: Nhà 72/13C ông B bà M mua, được xây dựng trên phần đất lấn chiếm, do Bệnh viện 7A – Quân khu 7 quản lý chưa bàn giao cho địa phương, Thanh tra Thành phố đã có kết luận và ngày 21/4/2015 Chủ tịch Ủy ban Thành phố ban hành Quyết định 1876.

Ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Thành phố là không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân quận T do ông Trần Văn T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Khu vực ao cá 7A có diện tích 15.666 m², trước giải phóng do Sư đoàn dù chế độ cũ sử dụng. Sau 30/4/1975, quân đội tiếp quản. Năm 1988, Quân khu 7

giao cho Quân y viện 7A (gọi Viện 7A) quản lý, sử dụng để tăng gia sản xuất. Trong quá trình sử dụng Viện 7A đã cấp một phần đất cho 33 hộ cán bộ, công nhân viên sử dụng làm nhà ở; đất đường đi trong khu vực 540m². Phần đất còn lại là ao cá có diện tích 3.000m². Ngày 27/7/2005, Quân khu 7 đã tiến hành bàn giao phần đất ao cá cho Ủy ban Thành phố quản lý.

Năm 2001, khi làm hồ sơ yêu cầu cấp Giấy đối với Nhà 72/13C, Ủy ban Phường 13 đã xác nhận “Đất ao thuộc Viện quân y 7A quản lý chưa bàn giao cho địa phương, ông H tự lấn chiếm san lấp cất nhà vào năm 1991, sau đó nhượng lại cho ông Phúc, tiếp tục nhượng cho ông Tr và để lại cho bà Nguyễn Thị M năm 1992 giấy tay, diện tích đất ở sử dụng 74,93m², không tranh chấp”. Kèm theo hồ sơ yêu cầu cấp giấy ông B bà M có cam kết nếu Nhà nước có chủ trương thu hồi làm công Tr xã hội ông B bà M sẵn sàng chấp hành không khiếu nại. Từ cơ sở này Ủy ban quận T đề xuất Ủy ban thành phố cấp giấy chứng nhận theo yêu cầu của ông B, bà M.

- Ủy ban nhân dân Phường 13, quận T do ông Nguyễn Đình Nghị đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/9/2001, Ủy ban phường 13 có xác nhận tại Đơn xin cấp giấy chứng nhận của ông B bà M với nội dung: “Đất ao thuộc Quân y viện 7A quản lý, chưa bàn giao cho địa phương, ông H tự lấn chiếm san lấp cất nhà năm 1991 sau đó nhượng lại cho ông Ph, tiếp tục nhượng cho ông Tr và để lại cho bà M năm 1992”. Việc xác nhận này là đúng với thực tế tại thời điểm ông B bà M sử dụng.

Ủy ban phường 13 thống nhất với ý kiến của Ủy ban quận T và Ủy ban Thành phố.

- Tại các Bản tự khai cùng ngày 21/10/2015, bà Trần Thị Hồng S và ông Trần Tiến S có cùng ý kiến:

Ông; bà là con của ông B bà M. Ông bà có biết việc cha mẹ đang khởi kiện Ủy ban Thành phố và Chủ tịch Ủy ban Thành phố đối với Quyết định 1876. Liên quan đến nhà 17/13C, ông, bà xác định không có công sức đóng góp trong căn nhà, thống nhất với lời trình bày và ý kiến của ông B bà M, ông, bà không có yêu cầu và ý kiến gì khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 480/2019/HCST ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3; Khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 31, điểm a Khoản 2 Điều 116, Khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ điểm b, điểm c Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị M về yêu cầu hủy Quyết định số 5623/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 9613/2002 ngày 09/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn B bà Nguyễn Thị M và yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường thiệt hại mất thu nhập tính từ ngày 27/5/2011 đến ngày 15/5/2019, thành tiền 960.000.000 đồng (Chín trăm sáu mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc chính quyền 2 cấp quận và Thành phố phải có văn bản công khai xin lỗi gia đình ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị M trên phương tiện thông tin đại chúng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 người khởi kiện bà Nguyễn Thị M và ông Trần Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà M trình bày cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: Có nhiều chứng cứ trong hồ sơ ông bà không được biết và tiếp cận như bản đồ quản lý đất đai, sơ đồ đất quân đội trước đây..., nhiều chứng cứ ông bà nộp nhưng không có trong hồ sơ, vụ án để kéo dài, khi chuyển giao hồ sơ từ thẩm phán Ch sang thẩm phán Ph thì bị mất toàn bộ hồ sơ nên tòa án yêu cầu ông bà phải cung cấp lại, trong quá trình xét xử thì hoãn phiên tòa kéo dài cả năm mới xử. Về nội dung: Tòa sơ thẩm bác bỏ nhiều chứng cứ như biên lai đóng tiền từ năm 1992, các chứng cứ của nhà nước có giá trị pháp lý để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà... Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án để giải quyết lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị M kháng cáo không cung cấp được tài liệu mới chứng minh, xét thấy quyết định 5623 và 1876 của UBND Thành phố và Chủ tịch UBND Thành phố ban hành là đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị M kháng cáo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hành chính nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án cấp sơ thẩm nhận định đúng quy định của pháp luật

[2] Về nội dung:

[2.1] Nhà 72/13C Nh có nguồn gốc do ông Phạm Văn H bán cho ông Hoàng Công Ph bằng giấy tay ngày 18/8/1992 với diện tích $4\text{m} \times 18\text{m} = 72\text{m}^2$. Ông Ph nhượng lại cho ông Nguyễn Cảnh Tr ngày 20/10/1992 và ông Tr nhượng lại cho bà Nguyễn Thị M theo 2 giấy tay: Giấy ngày 26/10/1992 diện tích $4\text{m} \times 12\text{m}$; Giấy ngày 26/12/1993 diện tích $4\text{m} \times 18\text{m}$. Ông B bà M quản lý sử dụng và có kê khai nhà ở vào năm 1999. Ngày 20/9/2001 ông B bà M làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận nhà và đất, Ủy ban nhân dân Phường 13 có xác nhận tình trạng pháp lý và có Bản cam kết của ông B bà M kèm theo.

Theo xác nhận của Ủy ban phường 13 ngày 25/9/2001 tại Đơn xin cấp giấy chứng nhận của ông B, bà M ngày 20/9/2001 thì nguồn gốc và quá trình sử dụng nhà và đất 72/13C Nh như sau: “...*Đất ao thuộc viện Quân y 7A quản lý chưa bàn giao cho địa phương. Ông H tự lấn chiếm san lấp cất nhà năm 1991, sau đó nhượng cho ông Phúc, tiếp tục nhượng cho ông Tr và để lại cho bà M vào năm 1992 giấy tay. Diện tích đất ở sử dụng từ ngày 18/12/1980 - 14/10/1993 là $74,93\text{m}^2$, trong quá trình sử dụng không tranh chấp...*”. Tại Bản cam kết ngày 10/12/2001 ông B bà M có cam kết: “*Từ năm 1992 tới nay gia đình tôi sử dụng khuôn viên và căn nhà 72/13^A... không có ai tranh chấp hoặc khiếu nại, nếu Nhà nước có chủ trương thu hồi làm công Tr xã hội chúng tôi sẵn sàng chấp hành không khiếu nại*”. Từ cơ sở này Ủy ban Thành phố đã cấp giấy chứng nhận nhà ở và đất ở với diện tích $74,3\text{m}^2$ cho ông B, bà M.

Tại Văn bản số 505/QK7 ngày 01/8/2005 gửi Ủy ban thành phố Quận khu 7 có ý kiến: “...*Thực trạng trên khu đất 15.666m^2 Quận khu đã cấp cho một số hộ cán bộ, diện tích còn lại 121 hộ dân chiếm 8.322m^2 , đường đi 540m^2 , phần ao cá chỉ còn lại 3.000m^2 . Để tạo điều kiện cho việc quy hoạch chỉnh trang đô thị ở thành phố... Đồng thời làm cơ sở cho Ủy ban Tân Bình rà soát, xử lý các hộ dân lấn chiếm... Quận khu 7 đồng ý bàn giao nguyên canh khu đất... mà Ủy ban quận T gọi là khu ao cá. Căn cứ Danh sách các hộ lấn chiếm đất bờ ao cá Phường 13 do Cục Hậu cần Quận khu 7 lập ngày 08/01/2013 thì nhà và đất 72/13C (số thứ tự 1) có diện tích 72m^2 do hộ bà M tự lấn chiếm dụng từ năm 1992.*”

Tại điểm b và điểm c Khoản 2 Điều 25 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, đã quy định: “*Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật đối với trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận tự kiểm tra và phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp là trái pháp luật thì có trách nhiệm thông báo tới cơ quan thanh tra cùng cấp để thẩm tra... Nếu qua thẩm tra có kết luận là Giấy chứng nhận cấp trái pháp luật thì cơ quan Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận ra quyết định thu hồi...*”

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Nhà và đất 72/13C Nh được xây dựng vào năm 1992, trên phần đất chưa được Quân khu 7 bàn giao cho địa phương quản lý tại thời điểm ông B, bà M yêu cầu cấp giấy. Ủy ban Thành phố đã cấp Giấy 9613 cho ông B, bà M là trái với các quy định trên. Việc phát hiện Giấy 9613 đã cấp trái pháp luật Ủy ban Thành phố đã có Công văn số 3200/UBND-ĐTMT ngày 27/6/2013 thông báo cho Thanh tra Thành phố rà soát thẩm tra và tại Công văn số 1024/TTTP-P1 ngày 12/9/2013, Thanh tra Thành phố đã có kết luận Giấy 9613 cấp trái pháp luật. Do đó, việc Ủy ban Thành phố ban hành Quyết định 5623 thu hồi, hủy Giấy 9613 và Chủ tịch Ủy ban Thành phố ban hành Quyết định 1876 không chấp nhận khiếu nại của ông B bà M là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M cũng khai ngoài gia đình bà còn các hộ dân gần đó cũng bị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giống như gia đình bà.

[2.2] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Như đã nhận định Ủy ban thành phố và Chủ tịch Ủy ban Thành phố ban hành Quyết định 5623 và Quyết định 1876 là đúng quy định pháp luật nên yêu cầu bồi thường thiệt hại liên quan đến Giấy 9613 của ông B, bà M không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B và bà Trần Thị Minh về việc yêu cầu khởi hủy Quyết định số 5623/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn B và bà Trần Thị Minh giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do ông Trần Văn B và bà Trần Thị Minh là người cao tuổi nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn B và bà Trần Thị Minh. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3; Khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 31, điểm a Khoản 2 Điều 116, Khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ điểm b, điểm c Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị M về yêu cầu hủy Quyết định số 5623/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 9613/2002 ngày 09/4/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn B bà Nguyễn Thị M và yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường thiệt hại mất thu nhập tính từ ngày 27/5/2011 đến ngày 15/5/2019, thành tiền 960.000.000 đồng (Chín trăm sáu mươi triệu đồng).

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc chính quyền 2 cấp quận và Thành phố Hồ Chí Minh phải có văn bản công khai xin lỗi gia đình ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị M trên phương tiện thông tin đại chúng.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị M được miễn án phí. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí số 0025852 ngày 06/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Các đương sự (6);
- Lưu: VP (3), HS (3) 18b (MTTT)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Huyền Vân